

# Bản tin Phân tích kỹ thuật

---

07/08/2026



**Vũ Minh Đức**  
Phó Giám đốc  
[duc.vu@vietcap.com.vn](mailto:duc.vu@vietcap.com.vn)  
+8428 3914 3588 ext.363

**Lê Hải Đăng**  
Chuyên viên  
[dang.le@vietcap.com.vn](mailto:dang.le@vietcap.com.vn)  
+8428 3914 3588 ext.570

# Chiến lược HDTL chỉ số VN30



## Nhận định:

- 4111G8000 đóng cửa với tín hiệu giảm, hợp đồng có khả năng tiếp cận vùng 1.875 điểm (quanh đường MA200). (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh 1.892 điểm, mục tiêu là vùng 1.875 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên mốc 1.900 điểm.

## Chiến lược:

- Bán (S): 1.892 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.875 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.900 điểm

# Quan điểm kỹ thuật

|          | Ngắn hạn   | Trung hạn  |
|----------|------------|------------|
| VN-Index | Trung tính | Tiêu cực   |
| VN30     | Trung tính | Tiêu cực   |
| VNMid    | Trung tính | Tiêu cực   |
| VNSmall  | Trung tính | Tiêu cực   |
| HNX      | Trung tính | Trung tính |

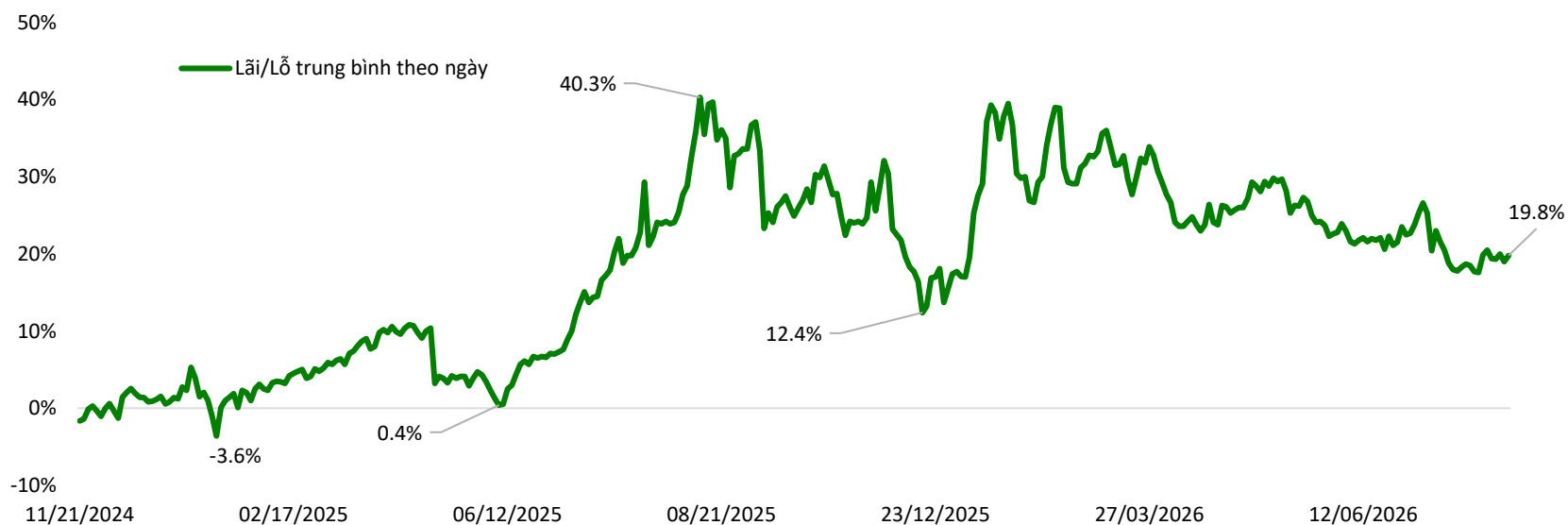


Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng nhẹ với lực mua cải thiện tại nhiều nhóm ngành, gồm Ngân hàng, Dầu khí, Vật liệu, Tiêu dùng và Bảo hiểm. Ở chiều ngược lại, Bất động sản, Chứng khoán và Bán lẻ chịu tác động từ hoạt động bán, nhưng áp lực chưa ở mức đáng lo ngại.
- Về mặt kỹ thuật, dù tăng điểm, VN-Index chưa vượt được vùng 1.770 điểm, quanh MA200, cho thấy đà tăng đang chịu áp lực tại kháng cự quan trọng. Do đó, chỉ số vẫn có khả năng kiểm định lại khu vực hỗ trợ 1.745–1.750 điểm trong các phiên tới.
- Đánh giá rủi ro, nhịp tăng của VN-Index được hỗ trợ bởi nhiều nhóm ngành như Ngân hàng, Dầu khí và Tiêu dùng, cho thấy quán tính tăng có sự đồng thuận nhất định từ cổ phiếu thành phần. Tuy nhiên, nhóm Vingroup, nổi bật là VIC và VHM, đang tạo ảnh hưởng tiêu cực về điểm số. Do đó, nhịp điều chỉnh về vùng 1.745–1.750 điểm nếu xuất hiện nhiều khả năng đến từ nhóm này, nhưng có thể được cân bằng bởi các nhóm ngành còn lại. Kịch bản VN-Index tăng trở lại sau khi kiểm định vùng hỗ trợ hiện có xác suất cao hơn kịch bản vi phạm mốc 1.750 điểm.

## Bảng theo dõi những vị thế đang mở

| BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ |            |           |            |              |         |                 |                |              |                    |                  |
|------------------------------------|------------|-----------|------------|--------------|---------|-----------------|----------------|--------------|--------------------|------------------|
| Mã                                 | Ngày mở    | Ngày đóng | Trạng thái | Giá hiện tại | Giá mở  | Lãi/Lỗ hiện tại | Ngưỡng dừng lỗ | Giá mục tiêu | Ngưỡng dừng lỗ mới | Giá mục tiêu mới |
| GMD                                | 31/07/2026 |           | Đang mở    | 77,200       | 75,000  | 2.9%            | 72,000         | 85,000       | 75,000             |                  |
| VIC                                | 31/07/2026 |           | Đang mở    | 215,000      | 215,000 | 0.0%            | 204,000        | 247,000      |                    |                  |
| NVL                                | 05/08/2026 |           | Đang mở    | 13,900       | 13,450  | 3.3%            | 12,600         | 15,300       |                    |                  |
| STB                                | 06/08/2026 |           | Đang mở    | 74,600       | 72,800  | 2.5%            | 71,000         | 81,000       |                    |                  |



# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

| TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX |         |                        |                        |                     |                    |           |     |      |            |                 |                 |                 |
|------------------------------------|---------|------------------------|------------------------|---------------------|--------------------|-----------|-----|------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Mã                                 | Giá     | Thay đổi giá<br>1 ngày | Thay đổi giá<br>5 ngày | Vốn hóa<br>(tỷ VND) | Thay đổi<br>chỉ số | EPS trượt | PB  | PE   | Xu hướng   | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
| VHM                                | 73,000  | -5.32%                 | -1.42%                 | 599,682             | -5.043             | 9,718     | 2.3 | 7.5  | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| VIC                                | 215,000 | -1.74%                 | 0.42%                  | 1,668,870           | -4.584             | 2,920     | 9.8 | 73.6 | Trung tính | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| GAS                                | 74,600  | 6.88%                  | 8.75%                  | 180,006             | 1.958              | 5,265     | 2.6 | 14.2 | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| CTG                                | 32,500  | 3.67%                  | 5.52%                  | 252,426             | 1.464              | 5,172     | 1.3 | 6.3  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| BID                                | 39,050  | 3.03%                  | 2.76%                  | 284,287             | 1.364              | 4,549     | 1.5 | 8.6  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| GVR                                | 29,750  | 6.82%                  | 8.18%                  | 119,000             | 1.284              | 1,783     | 2.0 | 16.7 | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| VNM                                | 62,000  | 5.08%                  | 1.81%                  | 129,577             | 1.042              | 5,246     | 4.1 | 11.8 | Tích cực   | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| BSR                                | 26,200  | 4.59%                  | 3.35%                  | 131,191             | 0.952              | 3,933     | 1.8 | 6.7  | Tích cực   | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| VCB                                | 59,700  | 1.19%                  | 0.67%                  | 498,834             | 0.936              | 4,984     | 2.0 | 12.0 | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Tích cực        |
| STB                                | 74,600  | 3.32%                  | 4.63%                  | 140,637             | 0.739              | 1,634     | 2.2 | 45.7 | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| TCB                                | 29,700  | 1.71%                  | 2.59%                  | 210,461             | 0.570              | 3,829     | 1.2 | 7.8  | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| VPL                                | 79,000  | -2.35%                 | -0.75%                 | 141,671             | -0.526             | 1,662     | 3.2 | 47.6 | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| BVH                                | 66,900  | 6.53%                  | 11.31%                 | 49,661              | 0.513              | 4,472     | 1.9 | 15.0 | Tích cực   | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| PLX                                | 35,950  | 6.68%                  | 11.83%                 | 45,678              | 0.482              | 2,535     | 1.8 | 14.2 | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| BCM                                | 38,600  | 6.93%                  | 8.12%                  | 39,951              | 0.438              | 2,066     | 1.8 | 18.7 | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |

# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

| TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX |         |                     |                     |                  |                 |           |      |       |            |              |              |              |
|--------------------------------|---------|---------------------|---------------------|------------------|-----------------|-----------|------|-------|------------|--------------|--------------|--------------|
| Mã                             | Giá     | Thay đổi giá 1 ngày | Thay đổi giá 5 ngày | Vốn hóa (tỷ VND) | Thay đổi chỉ số | EPS trượt | PB   | PE    | Xu hướng   | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| KSF                            | 80,600  | -1.83%              | 2.68%               | 72,523           | -2.002          | 17,023    | 3.4  | 4.7   | Trung tính | Tích cực     | Tích cực     | Trung tính   |
| THD                            | 163,300 | 1.43%               | 36.42%              | 62,870           | 1.357           | 396       | 12.4 | 412.9 | Tích cực   | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| IDC                            | 33,600  | 2.75%               | 3.07%               | 14,026           | 0.583           | 5,201     | 2.1  | 6.5   | Trung tính | Tiêu cực     | Trung tính   | Trung tính   |
| DNP                            | 20,900  | 9.42%               | -0.48%              | 2,946            | 0.419           | 1,567     | 1.2  | 13.3  | Tích cực   | Tiêu cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| TET                            | 50,000  | 7.53%               | 7.53%               | 3,110            | 0.354           | 629       | 26.9 | 79.5  | Tích cực   | Trung tính   | Trung tính   | Trung tính   |
| HUT                            | 13,400  | -1.47%              | -9.46%              | 14,315           | -0.318          | 476       | 1.3  | 28.1  | Tiêu cực   | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| KSV                            | 123,200 | -0.56%              | 10.20%              | 36,960           | -0.315          | 11,736    | 5.6  | 10.5  | Tích cực   | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| MBS                            | 18,500  | 1.09%               | 2.78%               | 18,517           | 0.306           | 1,828     | 1.6  | 10.1  | Trung tính | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| PVS                            | 34,300  | 0.88%               | 0.59%               | 17,542           | 0.234           | 4,107     | 1.1  | 8.4   | Trung tính | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| VIT                            | 23,000  | -8.00%              | -12.88%             | 1,836            | -0.222          | 1,599     | 2.1  | 14.4  | Trung tính | Trung tính   | Trung tính   | Trung tính   |

| TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM |         |                     |                     |                  |                 |           |      |          |            |              |              |              |
|----------------------------------|---------|---------------------|---------------------|------------------|-----------------|-----------|------|----------|------------|--------------|--------------|--------------|
| Mã                               | Giá     | Thay đổi giá 1 ngày | Thay đổi giá 5 ngày | Vốn hóa (tỷ VND) | Thay đổi chỉ số | EPS trượt | PB   | PE       | Xu hướng   | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| ACV                              | 41,500  | 6.68%               | 5.87%               | 147,334          | 0.016           | 3,117     | 2.0  | 13.2     | Trung tính | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Trung tính   |
| MVN                              | 61,000  | 12.96%              | 20.55%              | 71,787           | 0.015           | 2,296     | 4.6  | 26.1     | Tích cực   | Trung tính   | Trung tính   | Trung tính   |
| VGI                              | 86,500  | 3.22%               | 6.66%               | 266,400          | 0.014           | 4,019     | 7.0  | 21.8     | Trung tính | Trung tính   | Trung tính   | Trung tính   |
| RGG                              | 45,000  | 33.53%              | 33.53%              | 9,900            | 0.005           | -43       | 4.1  | -1,051.6 | Tích cực   |              |              |              |
| DNH                              | 51,000  | 14.09%              | 72.88%              | 21,542           | 0.005           | 2,782     | 3.9  | 18.3     | Tích cực   | Tích cực     | Trung tính   | Trung tính   |
| VNZ                              | 600,100 | -10.42%             | 20.02%              | 18,443           | -0.003          | 15,830    | 20.1 | 39.2     | Tích cực   | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| CC1                              | 38,000  | -7.09%              | 0.00%               | 18,037           | -0.002          | 598       | 4.0  | 63.5     | Tích cực   | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| SJG                              | 22,000  | 10.00%              | 17.65%              | 9,890            | 0.002           | 4,231     | 1.2  | 5.2      | Trung tính | Trung tính   | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| FOX                              | 65,700  | 1.86%               | 3.63%               | 48,590           | 0.001           | 4,936     | 3.8  | 13.3     | Trung tính | Tiêu cực     | Trung tính   | Trung tính   |
| MSR                              | 39,000  | 1.83%               | 5.98%               | 43,231           | 0.001           | 2,209     | 3.0  | 17.7     | Tích cực   | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |

# Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

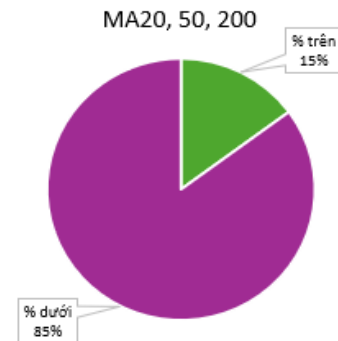
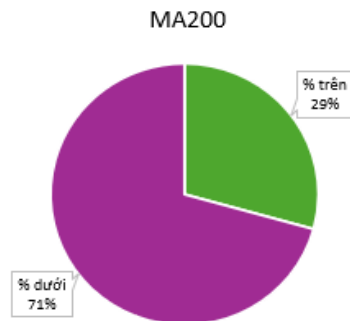
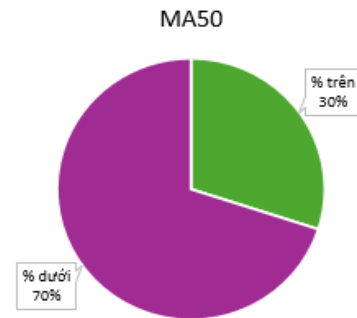
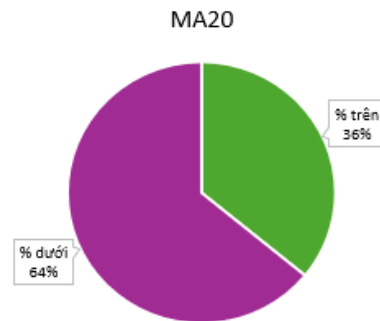
| VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN |        |              |               |                  |                       |                      |     |      |          |              |              |              |
|-------------------|--------|--------------|---------------|------------------|-----------------------|----------------------|-----|------|----------|--------------|--------------|--------------|
| Mã                | Giá    | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB  | PE   | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| PHP               | 41,800 | 0.2%         | 12.0          | 7.1              | 29,808                | 41,700               | 2.1 | 11.3 | Tích cực | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| DHC               | 35,200 | 1.4%         | 16.6          | 10.6             | 26,312                | 35,142               | 1.5 | 6.8  | Tích cực | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |

| PHÁ ĐÁY 52 TUẦN |        |              |               |                  |                       |                      |     |      |          |              |              |              |
|-----------------|--------|--------------|---------------|------------------|-----------------------|----------------------|-----|------|----------|--------------|--------------|--------------|
| Mã              | Giá    | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB  | PE   | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| HUT             | 13,400 | -1.5%        | 18.5          | 29.0             | 13,600                | 20,500               | 1.3 | 28.1 | Tiêu cực | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| VHC             | 51,400 | -2.3%        | 21.7          | 13.0             | 51,900                | 69,200               | 1.2 | 8.0  | Tiêu cực | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| CRC             | 5,220  | -6.6%        | 5.3           | 3.0              | 5,590                 | 12,650               | 0.5 | 8.3  | Tiêu cực | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |

| KLGD ĐỘT BIẾN |       |              |               |                  |                       |                      |      |      |            |              |              |              |
|---------------|-------|--------------|---------------|------------------|-----------------------|----------------------|------|------|------------|--------------|--------------|--------------|
| Mã            | Giá   | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB   | PE   | Xu hướng   | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| POM           | 3,500 | 12.9%        | 15.2          | 1.8              | 1,700                 | 8,100                | -1.0 | -1.1 | Trung tính | Tiêu cực     | Trung tính   | Trung tính   |

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

---



## Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

| Ngày    |       |      | 07/08/2026 | 06/08/2026 | 05/08/2026 | 04/08/2026 | 03/08/2026 | 31/07/2026 | 30/07/2026 | 29/07/2026 |
|---------|-------|------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| VNINDEX | MA200 | Trên | 23%        | 22%        | 22%        | 21%        | 22%        | 20%        | 21%        | 19%        |
|         |       | Dưới | 77%        | 78%        | 78%        | 79%        | 78%        | 80%        | 79%        | 81%        |
|         | MA50  | Trên | 30%        | 26%        | 29%        | 29%        | 28%        | 23%        | 25%        | 20%        |
|         |       | Dưới | 70%        | 74%        | 71%        | 71%        | 72%        | 77%        | 75%        | 80%        |
|         | MA20  | Trên | 45%        | 38%        | 41%        | 39%        | 35%        | 27%        | 27%        | 16%        |
|         |       | Dưới | 55%        | 62%        | 59%        | 61%        | 65%        | 73%        | 73%        | 84%        |
| VN30    | MA200 | Trên | 37%        | 30%        | 33%        | 33%        | 30%        | 23%        | 23%        | 23%        |
|         |       | Dưới | 63%        | 70%        | 67%        | 67%        | 70%        | 77%        | 77%        | 77%        |
|         | MA50  | Trên | 43%        | 30%        | 27%        | 40%        | 40%        | 20%        | 20%        | 20%        |
|         |       | Dưới | 57%        | 70%        | 73%        | 60%        | 60%        | 80%        | 80%        | 80%        |
|         | MA20  | Trên | 63%        | 50%        | 67%        | 70%        | 57%        | 17%        | 17%        | 7%         |
|         |       | Dưới | 37%        | 50%        | 33%        | 30%        | 43%        | 83%        | 83%        | 93%        |
| HNX     | MA200 | Trên | 27%        | 27%        | 26%        | 27%        | 28%        | 27%        | 27%        | 25%        |
|         |       | Dưới | 73%        | 73%        | 74%        | 73%        | 72%        | 73%        | 73%        | 75%        |
|         | MA50  | Trên | 26%        | 26%        | 26%        | 27%        | 26%        | 26%        | 23%        | 20%        |
|         |       | Dưới | 74%        | 74%        | 74%        | 73%        | 74%        | 74%        | 77%        | 80%        |
|         | MA20  | Trên | 27%        | 27%        | 26%        | 27%        | 28%        | 27%        | 27%        | 25%        |
|         |       | Dưới | 73%        | 73%        | 74%        | 73%        | 72%        | 73%        | 73%        | 75%        |
| UPCOM   | MA200 | Trên | 32%        | 31%        | 31%        | 30%        | 30%        | 28%        | 27%        | 26%        |
|         |       | Dưới | 68%        | 69%        | 69%        | 70%        | 70%        | 72%        | 73%        | 74%        |
|         | MA50  | Trên | 32%        | 31%        | 31%        | 31%        | 32%        | 31%        | 31%        | 30%        |
|         |       | Dưới | 68%        | 69%        | 69%        | 69%        | 68%        | 69%        | 69%        | 70%        |
|         | MA20  | Trên | 33%        | 34%        | 33%        | 33%        | 34%        | 32%        | 33%        | 32%        |
|         |       | Dưới | 67%        | 66%        | 67%        | 67%        | 66%        | 68%        | 67%        | 68%        |

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

| Ngành 15 |                           | Tháng 8 |    |    |    |    |    |    |    |    |    | Tháng 7 |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----------|---------------------------|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|          |                           | 07 ↓    | 06 | 05 | 04 | 03 | 31 | 30 | 29 | 28 | 27 | 24      | 23 | 22 | 21 | 20 | 17 | 16 | 15 | 14 | 13 |
| !        | 1 Tài nguyên Cơ bản       | 64      | 64 | 62 | 61 | 58 | 54 | 51 | 48 | 45 | 45 | 41      | 41 | 41 | 36 | 38 | 39 | 34 | 36 | 34 | 44 |
|          | 2 Bán lẻ                  | 59      | 60 | 61 | 56 | 50 | 42 | 35 | 29 | 24 | 24 | 28      | 27 | 25 | 27 | 30 | 31 | 35 | 39 | 38 | 37 |
|          | 3 Ô tô và phụ tùng        | 58      | 60 | 60 | 57 | 57 | 56 | 54 | 54 | 52 | 51 | 51      | 50 | 50 | 50 | 48 | 49 | 48 | 48 | 47 | 47 |
|          | 4 Điện, nước & xăng d...  | 52      | 50 | 50 | 52 | 49 | 37 | 36 | 36 | 36 | 36 | 37      | 37 | 38 | 39 | 44 | 48 | 39 | 39 | 39 | 38 |
|          | 5 Ngân hàng               | 44      | 44 | 47 | 46 | 40 | 35 | 33 | 32 | 32 | 33 | 34      | 36 | 38 | 41 | 44 | 46 | 45 | 46 | 48 | 51 |
| !        | 6 Thực phẩm và đồ uố...   | 43      | 42 | 45 | 47 | 44 | 42 | 41 | 36 | 33 | 31 | 31      | 34 | 36 | 36 | 39 | 41 | 40 | 41 | 42 | 42 |
|          | 7 Hóa chất                | 41      | 34 | 36 | 36 | 31 | 30 | 28 | 24 | 24 | 24 | 23      | 23 | 24 | 25 | 29 | 32 | 32 | 33 | 32 | 32 |
| !        | 8 Công nghệ Thông tin     | 40      | 44 | 46 | 42 | 30 | 23 | 20 | 18 | 17 | 16 | 17      | 17 | 16 | 20 | 24 | 21 | 22 | 27 | 30 | 33 |
|          | 9 Hàng & Dịch vụ Côn...   | 39      | 36 | 36 | 35 | 32 | 29 | 29 | 24 | 22 | 23 | 24      | 25 | 26 | 25 | 30 | 33 | 34 | 36 | 37 | 35 |
|          | 10 Dầu khí                | 39      | 31 | 31 | 33 | 30 | 31 | 30 | 29 | 28 | 31 | 25      | 23 | 23 | 32 | 37 | 46 | 49 | 53 | 43 | 32 |
|          | 11 Du lịch và Giải trí    | 37      | 41 | 38 | 37 | 30 | 26 | 24 | 22 | 22 | 23 | 25      | 26 | 28 | 31 | 33 | 39 | 39 | 42 | 48 | 49 |
| !        | 12 Xây dựng và Vật liệu   | 36      | 37 | 39 | 39 | 33 | 31 | 28 | 27 | 28 | 27 | 27      | 26 | 25 | 27 | 29 | 34 | 34 | 37 | 36 | 36 |
| !        | 13 Bất động sản           | 31      | 33 | 34 | 32 | 29 | 27 | 26 | 22 | 20 | 21 | 21      | 20 | 21 | 22 | 24 | 27 | 26 | 27 | 28 | 28 |
| !        | 14 Dịch vụ tài chính      | 31      | 33 | 37 | 35 | 31 | 34 | 30 | 28 | 25 | 30 | 35      | 35 | 34 | 36 | 40 | 45 | 44 | 48 | 50 | 53 |
| !        | 15 Hàng cá nhân & Gia ... | 24      | 25 | 26 | 28 | 27 | 23 | 21 | 17 | 16 | 16 | 17      | 16 | 15 | 15 | 16 | 20 | 22 | 22 | 24 | 23 |

## Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

| Mã  | Giá     | Tăng giảm<br>1 phiên | Tăng giảm<br>5 phiên | Vốn hóa<br>(tỷ đồng) | PB  | PE    | EPS    | KLGD<br>(tỷ đồng) | Xu hướng | Sum | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
|-----|---------|----------------------|----------------------|----------------------|-----|-------|--------|-------------------|----------|-----|-----------------|-----------------|-----------------|
| STB | 74,600  | 3.3%                 | 4.6%                 | 140,637              | 2.2 | 45.7  | 1,634  | 454.6             | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| HDB | 26,550  | 0.0%                 | 5.4%                 | 132,890              | 1.6 | 6.8   | 3,897  | 262.4             | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| VNM | 62,000  | 5.1%                 | 1.8%                 | 129,577              | 4.1 | 11.8  | 5,246  | 821.6             | Tích cực | 9.5 | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| MVN | 61,000  | 13.0%                | 20.6%                | 71,787               | 4.6 | 26.1  | 2,296  | 7.5               | Tích cực | 9.5 | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| SAB | 44,750  | 2.4%                 | 2.8%                 | 57,395               | 2.9 | 12.0  | 3,723  | 35.0              | Tích cực | 9.5 | Tiêu cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| VEA | 35,200  | 1.1%                 | 2.3%                 | 46,625               | 2.0 | 6.0   | 5,816  | 16.5              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Trung tính      |
| KSV | 123,200 | -0.6%                | 10.2%                | 36,960               | 5.6 | 10.5  | 11,736 | 8.3               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| GMD | 77,200  | 0.1%                 | 0.3%                 | 33,419               | 2.4 | 12.7  | 6,059  | 44.8              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| PHP | 41,800  | 0.2%                 | 11.8%                | 13,795               | 2.1 | 11.3  | 3,743  | 12.0              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| CTR | 77,000  | 1.6%                 | 7.1%                 | 9,864                | 4.4 | 15.1  | 5,109  | 36.5              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Trung tính      |
| KLB | 13,100  | 1.9%                 | 15.9%                | 9,812                | 1.1 | 4.8   | 2,750  | 5.4               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| DHC | 35,200  | 1.4%                 | 7.0%                 | 3,740                | 1.5 | 6.8   | 5,172  | 16.6              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| CTF | 19,800  | 1.0%                 | 10.0%                | 1,894                | 1.9 | 131.1 | 151    | 8.4               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| MZG | 12,150  | 1.7%                 | 2.5%                 | 1,557                | 1.0 | 8.9   | 1,364  | 8.2               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| FOC | 73,700  | -0.9%                | 2.6%                 | 1,372                | 1.6 | 8.0   | 9,350  | 9.0               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| MST | 10,300  | 0.0%                 | 0.0%                 | 1,170                | 1.0 | 37.1  | 278    | 5.5               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| HII | 8,600   | -2.8%                | 21.3%                | 634                  | 0.6 | 2.7   | 3,190  | 6.0               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| VHM | 73,000  | -5.3%                | -1.4%                | 599,682              | 2.3 | 7.5   | 9,718  | 676.7             | Tích cực | 7.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| MSB | 16,200  | 0.3%                 | 1.6%                 | 50,544               | 1.1 | 8.6   | 1,888  | 94.3              | Tích cực | 7.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| HCM | 25,350  | -0.4%                | 1.4%                 | 34,221               | 2.3 | 19.3  | 1,315  | 73.9              | Tích cực | 7.5 | Tích cực        | Tích cực        | Trung tính      |

## Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

| Mã  | Giá     | Tăng giảm<br>1 phiên | Tăng giảm<br>5 phiên | Vốn hóa<br>(tỷ đồng) | PB  | PE    | EPS   | KLGD<br>(tỷ đồng) | Xu hướng | Sum  | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
|-----|---------|----------------------|----------------------|----------------------|-----|-------|-------|-------------------|----------|------|-----------------|-----------------|-----------------|
| F88 | 66,600  | -0.6%                | -7.2%                | 14,657               | 4.9 | 14.5  | 4,583 | 27.1              | Tiêu cực | -9.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| HUT | 13,400  | -1.5%                | -9.5%                | 14,315               | 1.3 | 28.1  | 476   | 18.5              | Tiêu cực | -9.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| CRC | 5,220   | -6.6%                | -10.0%               | 557                  | 0.5 | 8.3   | 627   | 5.3               | Tiêu cực | -9.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| NAB | 11,800  | -0.8%                | -2.9%                | 25,474               | 1.0 | 5.2   | 2,274 | 18.5              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Trung tính      |
| VHC | 51,400  | -2.3%                | -2.3%                | 10,766               | 1.2 | 8.0   | 6,457 | 21.7              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| PC1 | 20,650  | 0.7%                 | -3.5%                | 8,493                | 1.3 | 7.2   | 2,861 | 31.3              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Trung tính      |
| FIR | 4,520   | -0.7%                | -2.0%                | 319                  | 0.4 | -24.6 | -184  | 6.6               | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VPB | 25,000  | -0.6%                | 0.8%                 | 198,348              | 1.1 | 6.7   | 3,758 | 601.7             | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| PVD | 18,050  | 1.7%                 | -0.6%                | 16,746               | 1.0 | 15.1  | 1,198 | 100.4             | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| BVB | 12,400  | -0.4%                | 0.8%                 | 7,946                | 1.0 | 10.2  | 1,216 | 9.8               | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| CTS | 21,750  | -0.5%                | -0.5%                | 5,921                | 2.1 | 15.7  | 1,385 | 30.4              | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| PAN | 20,800  | -0.7%                | 0.0%                 | 5,214                | 1.0 | 4.3   | 4,873 | 5.7               | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Trung tính      |
| HHS | 9,750   | -1.8%                | 2.4%                 | 4,212                | 0.5 | 95.2  | 102   | 8.4               | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| VDS | 11,800  | -0.4%                | 0.0%                 | 3,210                | 1.1 | 11.3  | 1,044 | 7.2               | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| KSB | 13,200  | -1.5%                | 0.8%                 | 1,511                | 0.5 | 7.4   | 1,795 | 8.2               | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| TCX | 39,300  | -0.3%                | -4.1%                | 109,036              | 2.4 | 17.6  | 2,237 | 53.1              | Tiêu cực | -4.5 |                 |                 |                 |
| QNS | 47,000  | -0.6%                | -0.4%                | 17,282               | 1.6 | 8.9   | 5,268 | 8.4               | Tiêu cực | -4.5 | Trung tính      | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| MWG | 71,000  | -0.3%                | 1.6%                 | 104,779              | 2.9 | 10.7  | 6,667 | 218.7             | Tiêu cực | -3.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| VJC | 125,500 | -0.4%                | 0.4%                 | 96,521               | 3.7 | 44.3  | 2,830 | 169.9             | Tiêu cực | -3.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| SHB | 11,700  | -0.8%                | 1.7%                 | 62,521               | 0.8 | 4.5   | 2,583 | 600.7             | Tiêu cực | -3.5 | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |

# Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

| Mã  | Giá    | Thay đổi giá<br>1 ngày | Thay đổi giá<br>5 ngày | Giá mục tiêu | % Upside | EPS trượt | PB  | PE    | Xu hướng   | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
|-----|--------|------------------------|------------------------|--------------|----------|-----------|-----|-------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| STK | 8,550  | 1.18%                  | -3.82%                 | 25,500       | 201.8%   | (337)     | 0.8 | -25.4 | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| KDH | 17,950 | 0.84%                  | 2.87%                  | 42,600       | 139.3%   | 1,565     | 1.1 | 11.5  | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| NLG | 22,200 | 1.83%                  | 0.00%                  | 45,800       | 110.1%   | 1,407     | 0.9 | 15.8  | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| HDC | 11,700 | 0.00%                  | 2.63%                  | 21,400       | 82.9%    | 2,909     | 0.9 | 4.0   | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| VGC | 38,500 | 2.39%                  | 1.72%                  | 66,800       | 77.7%    | 3,173     | 2.1 | 12.1  | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| PVS | 34,300 | 0.88%                  | 0.59%                  | 60,000       | 76.5%    | 4,107     | 1.1 | 8.4   | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| HDG | 16,550 | 0.00%                  | 2.48%                  | 28,700       | 73.4%    | 1,803     | 1.0 | 9.2   | Tiêu cực   | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| PVT | 18,350 | 2.80%                  | 0.27%                  | 30,800       | 72.5%    | 2,711     | 1.0 | 6.8   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| BMI | 13,600 | 0.74%                  | 1.12%                  | 23,100       | 71.1%    | 1,983     | 0.7 | 6.9   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| DCM | 31,600 | 2.43%                  | 2.93%                  | 51,000       | 65.3%    | 4,945     | 1.5 | 6.4   | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| DPG | 30,000 | 1.01%                  | 8.30%                  | 48,900       | 64.6%    | 3,441     | 1.2 | 8.7   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| PLC | 20,200 | 4.12%                  | 7.45%                  | 31,900       | 64.4%    | 1,738     | 1.1 | 11.6  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| GEX | 24,550 | -0.41%                 | 9.11%                  | 40,500       | 64.3%    | 1,048     | 1.6 | 23.4  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| HPG | 22,000 | 0.69%                  | 1.38%                  | 35,400       | 62.0%    | 2,750     | 1.3 | 8.0   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| IDC | 33,600 | 2.75%                  | 3.07%                  | 52,700       | 61.2%    | 5,201     | 2.1 | 6.5   | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| CTG | 32,500 | 3.67%                  | 5.52%                  | 50,000       | 59.5%    | 5,172     | 1.3 | 6.3   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| DXG | 10,700 | -2.28%                 | 3.88%                  | 17,000       | 55.3%    | 157       | 1.0 | 68.3  | Tiêu cực   | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| MSN | 67,400 | 1.35%                  | 1.97%                  | 101,200      | 52.2%    | 4,636     | 2.5 | 14.5  | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| VPB | 25,000 | -0.60%                 | 0.81%                  | 38,000       | 51.1%    | 3,758     | 1.1 | 6.7   | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| PTB | 33,500 | -2.90%                 | 0.00%                  | 52,000       | 50.7%    | 5,856     | 0.9 | 5.7   | Tiêu cực   | Trung tính      | Tiêu cực        | Trung tính      |

# Khuyến cáo

---

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

# Thông tin liên hệ

---

## Phòng Research

**Duc Vu, Associate Director**

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

**Research team**

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

**Nam Hoang, Head of Research**

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

## Brokerage and Institutional Sales & Trading

**Anthony Le**

**Director, Brokerage &  
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

**Quynh Chau**

**Managing Director  
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn